

**Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch
Ninh Vân Bay**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2015



**Building a better
working world**

**Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch
Ninh Vân Bay**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2015



Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 57



Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay ("Công ty"), được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Phong, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103013874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 26 tháng 9 năm 2006 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Điều chỉnh sau:

<u>Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>
0103013874	Ngày 3 tháng 8 năm 2009
0103013874	Ngày 27 tháng 8 năm 2009
0103013874	Ngày 28 tháng 9 năm 2009
0103013874	Ngày 2 tháng 12 năm 2009
0102051941	Ngày 12 tháng 2 năm 2010
0102051941	Ngày 24 tháng 5 năm 2010
0102051941	Ngày 15 tháng 7 năm 2010
0102051941	Ngày 24 tháng 9 năm 2010
0102051941	Ngày 7 tháng 6 năm 2011
0102051941	Ngày 20 tháng 6 năm 2011
0102051941	Ngày 17 tháng 5 năm 2012
0102051941	Ngày 5 tháng 6 năm 2013

Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là:

- ▶ Kinh doanh bất động sản;
- ▶ Dịch vụ quản lý, tư vấn bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất), xúc tiến đầu tư thương mại;
- ▶ Kinh doanh khách sạn và dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- ▶ Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, san lấp mặt bằng;
- ▶ Sản xuất, nhập khẩu trang thiết bị xây dựng và trang trí nội, ngoại thất; và
- ▶ Vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 3, tòa nhà Hoàng Gia, số 180 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Xuân Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Lê Thị Thu Hà	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Hoàng Anh Dũng	Ủy viên
Ông Vũ Ngọc Tú	Ủy viên
Ông Đỗ Ngọc Quỳnh	Ủy viên
Ông Hồ Anh Ngọc	Ủy viên
Ông Richard Vincent Daguise	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Minh	Ủy viên
Ông John Joshep Ramos	Ủy viên



Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đức Long	Trưởng Ban kiểm soát	
Ông Nguyễn Xuân Thường	Thành viên	
Ông Bernardi Djumiril	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2015

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Anh Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hoàng Anh Dũng. Ông Vũ Ngọc Tú được ông Hoàng Anh Dũng ủy quyền ký báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 theo Giấy ủy quyền số 02 ngày 18 tháng 4 năm 2011.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

58
ÁNH
TY
HỮU
YOU
AM
NỘI
T.P

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Vũ Ngọc Tú
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2015

Số tham chiếu: 60861236/16942223-HN/LR

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông của Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"), được trình bày từ trang 5 đến trang 57, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả công tác soát xét của chúng tôi.


Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân sự của Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1



Lã Quý Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1691-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 27 tháng 8 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		348.521.827.565	425.635.018.268
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	9.850.158.166	14.117.450.830
111	1. Tiền		4.850.158.166	13.217.450.830
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	900.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		14.000.000.000	23.974.598.364
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.1	14.000.000.000	23.974.598.364
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		309.789.866.240	374.919.349.722
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	1.871.852.665	69.629.631.807
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	11.648.057.397	10.301.479.123
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7.1	220.435.920.548	228.766.920.548
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	75.834.035.630	66.221.318.244
140	IV. Hàng tồn kho	9	10.499.672.578	9.650.059.671
141	1. Hàng tồn kho		10.499.672.578	9.650.059.671
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.382.130.581	2.973.559.681
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	892.548.556	1.048.065.302
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.568.609.915	1.005.780.532
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		797.906.204	767.901.909
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		123.065.906	151.811.938
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.019.424.752.848	1.006.896.582.379
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.500.000.000	-
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7.2	8.500.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		366.989.398.172	347.712.394.805
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	106.382.908.323	83.048.282.288
222	Nguyên giá		186.670.911.779	158.350.371.467
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(80.288.003.456)	(75.302.089.179)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	260.606.489.849	264.664.112.517
228	Nguyên giá		305.427.091.263	305.427.091.263
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(44.820.601.414)	(40.762.978.746)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	13	422.076.984.074	426.356.590.845
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	13.1	54.314.755.492	32.215.745.746
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13.2	367.762.228.582	394.140.845.099
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	5.2	117.490.711.728	119.471.878.992
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		97.113.651.484	99.376.340.284
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		23.883.889.320	20.360.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(3.506.829.076)	(264.461.292)
260	V. Tài sản dài hạn khác		104.367.658.874	113.355.717.737
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	5.122.898.835	2.879.890.524
268	2. Tài sản dài hạn khác		37.000.000	37.000.000
269	3. Lợi thế thương mại	14	99.207.760.039	110.438.827.213
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.367.946.580.413	1.432.531.600.647



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		449.734.238.743	432.872.121.505
310	I. Nợ ngắn hạn		139.772.500.165	125.988.870.395
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	5.583.634.127	5.826.443.342
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.773.019.399	8.506.690.723
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.736.987.271	767.763.098
314	4. Phải trả người lao động		2.285.926.877	1.495.118.600
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	35.008.641.739	43.422.260.800
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	30.277.309.378	4.883.115.304
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	59.065.860.889	59.207.514.672
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	2.041.120.485	1.879.963.856
330	II. Nợ dài hạn		309.961.738.578	306.883.251.110
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	253.451.076.302	250.481.486.203
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.3	56.510.662.276	56.401.764.907
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		918.212.341.670	999.659.479.142
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	918.212.341.670	999.659.479.142
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		905.000.000.000	905.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		905.000.000.000	905.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		24.455.000.000	24.455.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		269.596.844	269.596.844
421	4. Lỗ lũy kế		(154.528.913.474)	(84.329.311.816)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(84.329.311.816)	(89.941.073.192)
421b	- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		(70.199.601.658)	5.611.761.376
429	5. Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát		143.016.658.300	154.264.194.114
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.367.946.580.413	1.432.531.600.647



Ngô Thị Thanh Hải
Người lập




Ngô Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Vũ Ngọc Tú
Phó Tổng Giám đốc



Ngày 27 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	109.638.843.204	122.126.820.515
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23.1	(93.949.920.313)	(1.232.427.014)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	15.688.922.891	120.894.393.501
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(19.084.141.709)	(57.503.036.812)
20	5. (Lỗ)/lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(3.395.218.818)	63.391.356.689
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	10.077.069.925	13.067.898.276
22	7. Chi phí tài chính	25	(22.446.133.972)	(153.956.738)
23	Trong đó: chi phí lãi vay		(18.698.008.729)	(127.659.476)
24	8. Phần lỗ từ công ty liên kết	5.2.1	(2.262.688.800)	(1.967.386.407)
25	9. Chi phí bán hàng	26	(13.339.774.669)	(15.674.836.311)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(34.675.469.663)	(35.572.379.143)
30	11. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(66.042.215.997)	23.090.696.366
31	12. Thu nhập khác		89.257.929	126.407.282
32	13. Chi phí khác		(14.759.092)	-
40	14. Lợi nhuận khác		74.498.837	126.407.282
50	15. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế		(65.967.717.160)	23.217.103.648
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.2	(2.140.522.943)	(2.594.382.734)
52	17. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	28.3	(108.897.369)	289.508.477
60	18. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN		(68.217.137.472)	20.912.229.391
61	19. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	21	(70.199.601.658)	7.491.165.596
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	21	1.982.464.186	13.421.063.795
70	21. (Lỗ)/lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	30	(773)	83
71	22. (Lỗ)/lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu	30	(699)	83

ĐỌC
HI N
CÔN
NHIE
.ST
VIỆT
AI H
KIỂM

Ngô Thị Thanh Hải
Người lập

Ngô Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Vũ Ngọc Tú
Phó Tổng Giám đốc



Ngày 27 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		(65.967.717.160)	23.217.103.648
02	Khấu hao và hao mòn	11,12, 14	21.634.835.572	20.770.693.593
03	Các khoản dự phòng		3.242.367.784	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(7.673.557.656)	(11.080.655.898)
06	Chi phí lãi vay	25	18.698.008.729	127.659.476
07	Các khoản điều chỉnh khác		362.037.286	-
08	(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(29.704.025.445)	33.034.800.819
09	Giảm các khoản phải thu		64.757.114.097	2.889.873.574
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(22.948.622.654)	1.194.685.079
11	Giảm/(tăng) các khoản phải trả		10.461.271.242	(12.234.833.306)
12	Tăng chi phí trả trước		(2.087.491.565)	(715.506.244)
14	Tiền lãi vay đã trả		(15.597.553.450)	(13.138.346.881)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	28.2	(1.718.507.765)	(2.699.584.055)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(658.442.495)	(2.136.971.865)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.503.741.965	6.194.117.121
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.673.425.115)	(11.265.807.616)
23	Tiền chi cho vay		(60.000.000)	(6.337.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		9.865.598.364	28.651.703.099
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về)		(3.523.889.320)	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		384.782.163	3.055.533.283
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.993.066.092	14.104.428.766

358
 BAN HÀNH
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 BẤT ĐỘNG SẢN
 DU LỊCH
 NINH VÂN BAY
 - T.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		3.500.000.000	11.823.696.096
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.034.100.721)	(14.106.610.782)
37	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(13.230.000.000)	(13.599.821.978)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(10.764.100.721)	(15.882.736.664)
50	(Giảm)/tăng tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(4.267.292.664)	4.415.809.223
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		14.117.450.830	12.373.326.136
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	9.850.158.166	16.789.135.359



Ngô Thị Thanh Hải
Người lập



Ngô Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Vũ Ngọc Tú
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 8 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay (“Công ty”), được đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Phong, là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103013874 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 26 tháng 9 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh sau:

<u>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số</u>	<u>Ngày</u>
0103013874	Ngày 3 tháng 8 năm 2009
0103013874	Ngày 27 tháng 8 năm 2009
0103013874	Ngày 28 tháng 9 năm 2009
0103013874	Ngày 2 tháng 12 năm 2009
0102051941	Ngày 12 tháng 2 năm 2010
0102051941	Ngày 24 tháng 5 năm 2010
0102051941	Ngày 15 tháng 7 năm 2010
0102051941	Ngày 24 tháng 9 năm 2010
0102051941	Ngày 7 tháng 6 năm 2011
0102051941	Ngày 20 tháng 6 năm 2011
0102051941	Ngày 17 tháng 5 năm 2012
0102051941	Ngày 5 tháng 6 năm 2013

Vào ngày 28 tháng 4 năm 2010, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã chính thức chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay với mã cổ phiếu NVT theo công văn số 85/QĐ-SGDHCM. Vào ngày 7 tháng 5 năm 2010, 50.500.000 cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết và bắt đầu phiên giao dịch đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, số cổ phiếu được lưu hành của Công ty là 90.500.000 cổ phiếu (Thuyết minh số 21.4).

Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là:

- ▶ Kinh doanh bất động sản;
- ▶ Dịch vụ quản lý, tư vấn bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất), xúc tiến đầu tư thương mại;
- ▶ Khách sạn và dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- ▶ Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường, san lấp mặt bằng;
- ▶ Sản xuất, nhập khẩu trang thiết bị xây dựng và trang trí nội, ngoại thất; và
- ▶ Vận chuyển hành khách, vận tải hàng hóa.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 3, tòa nhà Hoàng Gia, số 180 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 9 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 9 người).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 2 công ty con, trong đó:

▶ ***Công ty TNHH Hai Dung***

Công ty con này được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên số 3600805594 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 10 tháng 4 năm 2006, với số vốn điều lệ là 110 tỷ đồng Việt Nam. Công ty TNHH Hai Dung có trụ sở đặt tại ấp Bến Cộ, xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai và văn phòng giao dịch đặt tại số 121/10 đường Hồng Hà, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH Hai Dung là kinh doanh bất động sản, đầu tư khu du lịch sinh thái và kinh doanh nhà nghỉ, nhà hàng và dịch vụ ăn uống.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty nắm 90% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 90%).

▶ ***Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải***

Công ty con này được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4200686538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 13 tháng 12 năm 2008, với số vốn điều lệ là 90 tỷ đồng Việt Nam. Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải có trụ sở đặt tại thôn Văn Đăng, xã Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là kinh doanh khu du lịch sinh thái, dịch vụ ăn uống và lữ hành.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty nắm 51% (tương đương 1.785.000 cổ phiếu) phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 51%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Cơ sở hoạt động liên tục

Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") đã phát sinh lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 với số tiền là 68.217.137.472 đồng Việt Nam và có khoản lỗ lũy kế tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 154.528.913.474 đồng Việt Nam. Ngoài ra, tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng số dư nợ ngắn hạn của Tập đoàn là 139.772.500.165 đồng Việt Nam đã vượt tổng số dư tài sản ngắn hạn có tính thanh khoản cao (không bao gồm hàng tồn kho, đầu tư ngắn hạn và các khoản phải thu khác) của Tập đoàn với số tiền là 45.468.453.766 đồng Việt Nam.

Hiện tại, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty đã có kế hoạch tài chính để đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ đến hạn trả của Tập đoàn.

Trên cơ sở đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Tập đoàn sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán năm, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

3.1.1 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Tập đoàn áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Tập đoàn trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Tập đoàn cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của kỳ trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ này như đã trình bày tại Thuyết minh số 32.

TẠO
CHI
CÓI
H NH
NST
VIỆ
TẠI
V KTI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

3.1.2 Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007, và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Tập đoàn áp dụng các thay đổi về kế toán theo quy định tại Thông tư 202 trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 202 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (bao gồm nguyên giá của đất và cơ sở hạ tầng chưa chuyển nhượng) - chi phí đất và xây dựng phần hoàn thiện của các biệt thự được ghi nhận theo tiến độ thực tế bàn giao với nhà thầu thi công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v..) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

0054
 NHẬN
 CÔNG TY
 ĐẾM HI
 & YC
 T. NAI
 HÀ NỘI
 M - 1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	1 - 18 năm
Phương tiện vận tải	2 - 8 năm
Trang thiết bị văn phòng	1 - 5 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất và mặt biển	33 - 43 năm
Phần mềm máy tính	3 năm



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 1 đến 2 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của nhà đầu tư. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm. Tập đoàn không khấu hao lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- ▶ giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư;
- ▶ giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch;
- ▶ các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- ▶ Quỹ đầu tư và phát triển
Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.
- ▶ Quỹ khen thưởng và phúc lợi
Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất và công trình trên đất

Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất và công trình trên đất được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu công trình trên đất và quyền sử dụng đất đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm bàn giao đất và công trình trên đất.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng cổ phần, kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn và cổ phần được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của cổ phần. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng cổ phần được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho giai đoạn hiện hành và các giai đoạn trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho niên độ tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

330
 NH
 TY
 HỮU
 /OUI
 1M
 /OI
 T.P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng niên độ tài chính tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Tiền mặt	527.276.610	725.434.491
Tiền gửi ngân hàng	4.322.881.556	12.268.530.027
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	900.000.000
Tiền đang chuyển	-	223.486.312
TỔNG CỘNG	<u>9.850.158.166</u>	<u>14.117.450.830</u>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, có kỳ hạn dưới 3 tháng, với mức lãi suất 4,2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đơn vị tính: VNĐ

	Giá gốc và giá trị ghi sổ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.000.000.000	23.974.598.364
TỔNG CỘNG	14.000.000.000	23.974.598.364

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, kỳ hạn 1 năm và mức lãi suất 6,4%/năm. Đây là khoản tiền gửi dự phòng thanh toán lãi và gốc Trái phiếu khi đến hạn (xem Thuyết minh số 19.2.4).

Theo hợp đồng phát hành Trái phiếu kèm Chứng quyền số 01-2100/HDDM-TP/NVB ngày 11 tháng 11 năm 2014, Công ty cam kết duy trì số dư tài khoản tiền gửi dự phòng số 190.21793773.021 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam có số dư tối thiểu là 23 tỷ đồng trong kỳ tính lãi Trái phiếu đầu tiên và số tiền lớn hơn của 100% số tiền đến hạn phải thanh toán vào ngày thanh toán lãi và 14 tỷ đồng đối với các kỳ tính lãi tiếp theo.

5.2 Đầu tư tài chính dài hạn

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
	Đầu tư vào công ty liên kết	97.113.651.484
Đầu tư vào đơn vị khác	23.883.889.320	20.360.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(3.506.829.076)	(264.461.292)
TỔNG CỘNG	117.490.711.728	119.471.878.992

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

5.2.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên đơn vị	Ngày 30 tháng 6 năm 2015			Ngày 31 tháng 12 năm 2014		
	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp (i)	-	40,21	63.930.000.000	-	40,21	63.930.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Danh Việt (ii)	1.023.978	29,15	41.061.535.100	1.023.978	29,15	41.061.535.100
TỔNG CỘNG			104.991.535.100			104.991.535.100

(i) Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp

Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp là một công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên số 4000491891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam cấp ngày 5 tháng 5 năm 2008, với số vốn điều lệ là 30 tỷ đồng Việt Nam. Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp có trụ sở đặt tại Cồn Bắp, phường Cẩm Nam, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Hoạt động chính theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty này là kinh doanh khách sạn, dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty sở hữu 40,21% phần vốn sở hữu trong công ty liên kết này.

(ii) Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Danh Việt

Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Danh Việt là một công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0304993374 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 5 năm 2007, với số vốn điều lệ là 35.125.000.000 đồng Việt Nam. Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Danh Việt có trụ sở đặt tại 121/10 đường Hồng Hà, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty này là kinh doanh khách sạn, dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty sở hữu 1.023.978 cổ phần (tương ứng 29,15% phần vốn sở hữu) trong công ty liên kết này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

5.2.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 này như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp</i>	<i>Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Danh Việt</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá đầu tư:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	63.930.000.000	41.061.535.100	104.991.535.100
Tăng giá trị đầu tư	-	-	-
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	63.930.000.000	41.061.535.100	104.991.535.100
Phản lỗ lũy kế sau khi mua công ty liên kết:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	(63.661.775)	(5.551.533.041)	(5.615.194.816)
Phản lỗ từ công ty liên kết:	(295.056.860)	(1.967.631.940)	(2.262.688.800)
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	(358.718.635)	(7.519.164.981)	(7.877.883.616)
Giá trị đầu tư:			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014	63.866.338.225	35.510.002.059	99.376.340.284
Ngày 30 tháng 6 năm 2015	63.571.281.365	33.542.370.119	97.113.651.484



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

5.2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên đơn vị	Ngày 30 tháng 6 năm 2015				Ngày 31 tháng 12 năm 2014			
	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc	Dự phòng	Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú	(i) 183.600	12,24	18.360.000.000	(2.242.367.784)	183.600	12,24	18.360.000.000	-
Công ty Cổ phần Hồng Hải	(ii) 792.776	11,74	3.523.889.320	-	-	-	-	-
Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỹ nghỉ Ninh Vân Bay	(iii) -	10	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-	10	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần EMG	(iv) 100.000	14,3	1.000.000.000	(264.461.292)	100.000	14,3	1.000.000.000	(264.461.292)
TỔNG CỘNG			23.883.889.320	(3.506.829.076)			20.360.000.000	(264.461.292)

Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên do các cổ phiếu này không được niêm yết trên thị trường chứng khoán tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư dài hạn (tiếp theo)

5.2.2 Đầu tư vào đơn vị khác (tiếp theo)

- (i) Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103025527 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 26 tháng 6 năm 2008, với số vốn điều lệ là 150 tỷ đồng Việt Nam. Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú có trụ sở đặt tại thôn Tập Ninh, xã Gia Vân, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú là kinh doanh khách sạn, khu nghỉ dưỡng và dịch vụ ăn uống.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng vốn góp tại Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú mà Công ty sở hữu là 12,24% số vốn với giá trị là 18.360.000.000 đồng Việt Nam được trình bày là một khoản đầu tư dài hạn khác.

- (ii) Công ty Cổ phần Hồng Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4200479404 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010, với số vốn điều lệ là 67.500.000.000 đồng Việt Nam. Công ty Cổ phần Hồng Hải có trụ sở đặt tại thôn Văn Đăng, xã Vĩnh Lương, thành phố Nha Trang. Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh khu du lịch sinh thái, làng du lịch và dịch vụ ăn uống.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng vốn góp tại Công ty Cổ phần Hồng Hải mà Công ty sở hữu là 11,74% số vốn với giá trị là 3.523.889.320 đồng Việt Nam được trình bày là một khoản đầu tư dài hạn khác.

- (iii) Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0310273430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 8 năm 2010, với số vốn điều lệ là 10 tỷ đồng Việt Nam. Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay có trụ sở đặt tại lầu 1, Cao ốc Central Point, Nguyễn Văn Trỗi, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay là phát hành và quản lý thẻ nghỉ dài hạn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng vốn góp tại Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay mà Công ty sở hữu là 10% với giá trị 1.000.000.000 đồng Việt Nam được trình bày là một khoản đầu tư dài hạn khác.

- (iv) Công ty Cổ phần EMG là một công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0311199892 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 9 năm 2011, với số vốn điều lệ là 7 tỷ đồng Việt Nam. Công ty Cổ phần EMG có trụ sở đặt tại lầu 1, toà nhà Center Point, số 106 Nguyễn Văn Trỗi, phường 8, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty này là dịch vụ quản lý khách sạn và khu nghỉ dưỡng, kinh doanh khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, tổng vốn góp tại công ty Cổ phần EMG mà Công ty sở hữu là 14,3% với giá trị 1.000.000.000 đồng Việt Nam được trình bày là một khoản đầu tư dài hạn khác.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5.2 Các khoản đầu tư dài hạn (tiếp theo)

5.2.3 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn đầu kỳ	(264.461.292)	(264.461.292)
Trích lập dự phòng trong kỳ	(3.242.367.784)	-
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn cuối kỳ	(3.506.829.076)	(264.461.292)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (*)	1.871.852.665	67.549.972.220
<i>Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Việt Cường</i>	-	15.674.950.823
<i>Công ty Cổ phần Bất động sản Vietsense</i>	-	16.003.718.448
<i>Khách hàng cá nhân</i>	-	14.608.190.366
<i>Khách hàng cá nhân</i>	-	17.160.841.940
<i>Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Phước Hưng</i>	-	4.102.270.643
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	1.871.852.665	2.079.659.587
TỔNG CỘNG	1.871.852.665	69.629.631.807
Trong đó:		
<i>Phải thu ngắn hạn từ bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	-	4.102.270.643
<i>Phải thu khác</i>	1.871.852.665	65.527.361.164
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

6.1 Phải thu khách hàng ngắn hạn (tiếp theo)

(*) Trong năm 2010, Công ty TNHH Hai Dung – công ty con của Công ty đã ghi nhận doanh thu tương ứng với các hạng mục móng và xây thô đã được bàn giao cho các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp căn cứ theo các Hợp đồng Mua bán đối với các biệt thự thuộc Khu Du lịch Sinh thái Six Senses Saigon River.

Tuy nhiên, đến đầu năm 2015, do Công ty TNHH Hai Dung chưa hoàn thiện phần nội thất và các hạng mục còn lại của biệt thự để bàn giao nốt các hạng mục này cho khách hàng và các khách hàng cũng vẫn chưa thanh toán đầy đủ cho các hạng mục đã được hoàn thành từ năm 2010. Để giải quyết khó khăn của các bên tham gia hợp đồng, các bên đã thống nhất ký kết các biên bản hủy bỏ và thanh lý các Hợp đồng Mua bán Biệt thự có liên quan. Theo đó, Công ty TNHH Hai Dung sẽ hoàn lại số tiền mà các khách hàng đã thanh toán trước đây và nhận lại toàn bộ các hồ sơ, chứng từ có liên quan.

Căn cứ trên các biên bản thỏa thuận hủy bỏ và thanh lý các Hợp đồng Mua bán Biệt thự nêu trên, trong sáu tháng đầu năm 2015, Tập đoàn đã ghi nhận giao dịch hàng bán trả lại trên vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm việc ghi giảm các khoản phải thu tương ứng từ các khách hàng này.

Đồng thời, việc ghi nhận giao dịch hàng bán trả lại nêu trên cũng ảnh hưởng đến các chỉ tiêu tài chính khác như sau:

- ▶ làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 liên quan tới giá vốn của các căn biệt thự nhận lại (Thuyết minh 13.1);
- ▶ tăng các khoản phải trả khác của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 liên quan tới doanh thu của các căn biệt thự nhận lại (Thuyết minh số 18);
- ▶ tăng hàng bán trả lại phát sinh trong kỳ (Thuyết minh số 23); và
- ▶ giảm giá vốn của hoạt động chuyển nhượng bất động sản trong kỳ của Tập đoàn (Thuyết minh số 24).

6.2 Trả trước ngắn hạn cho người bán

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Trả trước ngắn hạn cho người bán		
Công ty Cổ phần Quy hoạch và Phát triển đô thị Việt Nam	2.877.575.900	1.577.575.900
Công ty Cổ phần đầu tư Xây dựng Tư vấn Bách Việt	1.629.855.010	1.629.855.010
Công ty TNHH Một thành viên Hải Khánh	1.284.661.400	1.284.661.400
Trả trước khác	5.855.965.087	5.809.386.813
TỔNG CỘNG	11.648.057.397	10.301.479.123

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

7.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)</i>
Phải thu về cho vay ngắn hạn	<u>220.435.920.548</u>	<u>228.766.920.548</u>
	<u>220.435.920.548</u>	<u>228.766.920.548</u>
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>220.435.920.548</i>	<i>228.766.920.548</i>

Phải thu về cho vay ngắn hạn bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm các khoản phải thu sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015 (VNĐ)</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú	202.463.920.548	Từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2016	8%	Tín chấp
Công ty TNHH Sinh thái Còn Bắp	16.606.000.000	Từ tháng 7 năm 2015 đến tháng 4 năm 2016	8%	Tín chấp
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt	1.136.000.000	Từ tháng 7 năm 2015 đến tháng 4 năm 2016	8%	Tín chấp
Công ty Cổ phần Hồng Hải	230.000.000	21 tháng 6 năm 2016	17%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>220.435.920.548</u>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

7.2 Phải thu về cho vay dài hạn bên liên quan

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải thu về cho vay dài hạn	8.500.000.000	-
TỔNG CỘNG	8.500.000.000	-
<i>Trong đó</i>		
Phải thu về cho vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 29)	8.500.000.000	-

Phải thu về cho vay dài hạn bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm khoản phải thu sau:

Bên liên quan	Ngày 30 tháng 6 năm 2015 (VNĐ)	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú	8.500.000.000	Tháng 7 năm 2016	8%	Tin chấp
TỔNG CỘNG	8.500.000.000			

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Lãi vay phải thu (*)	68.756.497.401	59.205.033.107
Chi phí chi trả hộ bên liên quan	2.468.734.716	2.468.734.716
Phải thu chuyển nhượng cổ phần tại Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay (**)	4.350.000.000	4.350.000.000
Phải thu khác	258.803.513	197.550.421
TỔNG CỘNG	75.834.035.630	66.221.318.244
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu khác	4.608.803.513	4.547.550.421
Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	71.225.232.117	61.673.767.823

(*) Lãi vay phải thu phát sinh từ các hợp đồng cho vay với Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú - đơn vị nhận vốn đầu tư, Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt - công ty liên kết, Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp - công ty liên kết, Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Phước Hưng - công ty cùng chung thành viên Hội đồng Quản trị vay tín chấp theo các điều khoản được trình bày trên Thuyết minh số 7.

(**) Đây là các khoản phải thu cá nhân từ chuyển nhượng cổ phần tại Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay. Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty về việc giãn nợ và sử dụng tiền từ các hợp đồng chuyển nhượng vốn góp, Công ty cho phép việc thanh toán toàn bộ phần giá trị còn lại của hợp đồng chuyển nhượng vốn góp với giá trị là 4.350.000.000 đồng Việt Nam sẽ đến hạn vào ngày 6 tháng 7 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)</i>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	5.232.347.542	4.860.278.123
Công cụ, dụng cụ	5.267.325.036	4.789.781.548
TỔNG CỘNG	<u>10.499.672.578</u>	<u>9.650.059.671</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	792.373.785	661.207.203
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	100.174.771	386.858.099
	<u>892.548.556</u>	<u>1.048.065.302</u>
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.471.606.581	1.977.153.328
Chi phí sửa chữa tài sản	2.651.292.254	902.737.196
	<u>5.122.898.835</u>	<u>2.879.890.524</u>
TỔNG CỘNG	<u>6.015.447.391</u>	<u>3.927.955.826</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc thiết bị (**)	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	110.840.117.374	24.985.405.170	16.030.636.495	6.494.212.428	158.350.371.467
- Mua trong kỳ	-	-	293.300.000	-	293.300.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	6.433.619.916	22.953.851.849	-	-	29.387.471.765
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.360.231.453)	-	(1.360.231.453)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	117.273.737.290	47.939.257.019	14.963.705.042	6.494.212.428	186.670.911.779
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết	1.561.662.632	10.425.933.337	8.994.645.272	1.387.962.456	22.370.203.697
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	43.059.364.963	16.308.757.623	13.794.404.213	2.139.562.380	75.302.089.179
- Khấu hao trong kỳ	3.241.927.182	2.241.882.482	473.141.637	389.194.429	6.346.145.730
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.360.231.453)	-	(1.360.231.453)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	46.301.292.145	18.550.640.105	12.907.314.397	2.528.756.809	80.288.003.456
Giá trị còn lại:					
31 tháng 12 năm 2014	67.780.752.411	8.676.647.547	2.236.232.282	4.354.650.048	83.048.282.288
30 tháng 6 năm 2015	70.972.445.145	29.388.616.914	2.056.390.645	3.965.455.619	106.382.908.323

(*) Nhà cửa và vật kiến trúc xây dựng trên Khu Du lịch sinh thái Six Senses Ninh Vân Bay với diện tích xây dựng 9.766 mét vuông trên lô đất tại núi Ba Du, xã Ninh Vân, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa được dùng để thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - chi nhánh Nha Trang như đã trình bày tại Thuyết minh số 19.2.1.

(**) Hệ thống đường dây điện trên Khu Du lịch sinh thái Six Senses Ninh Vân Bay, có giá trị còn lại là 19.640.283.662 đồng Việt Nam được dùng để thế chấp cho khoản vay dài hạn bên liên quan và các khoản vay dài hạn khác như đã trình bày tại Thuyết minh số 19.2.2 và Thuyết minh số 19.2.3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

	Quyền sử dụng đất và mặt biển	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	301.589.683.022	3.741.716.654	95.691.587	305.427.091.263
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>301.589.683.022</u>	<u>3.741.716.654</u>	<u>95.691.587</u>	<u>305.427.091.263</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	39.274.939.192	1.392.347.967	95.691.587	40.762.978.746
Khấu hao trong kỳ	3.861.841.942	195.780.726	-	4.057.622.668
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>43.136.781.134</u>	<u>1.588.128.693</u>	<u>95.691.587</u>	<u>44.820.601.414</u>
Giá trị còn lại:				
31 tháng 12 năm 2014	<u>262.314.743.830</u>	<u>2.349.368.687</u>	-	<u>264.664.112.517</u>
30 tháng 6 năm 2015	<u>258.452.901.888</u>	<u>2.153.587.961</u>	-	<u>260.606.489.849</u>

Quyền sử dụng đất và mặt biển bao gồm diện tích 49,98 ha đất và 94,5 ha mặt biển tại đảo Ninh Vân, huyện Ninh Vân, tỉnh Khánh Hòa được sử dụng cho việc kinh doanh khu nghỉ Six Senses Ninh Vân Bay. Toàn bộ khu đất và mặt biển là một quần thể không tách rời, cùng được sử dụng cho hoạt động của khu nghỉ và được cụ thể như sau:

- ▶ Theo hợp đồng thuê đất và mặt biển số 01/2003 HĐ/TĐ ngày 21 tháng 1 năm 2003, diện tích đất thuê là 333.180 m² và diện tích mặt biển thuê là 158.686 m². Thời hạn thuê đất và mặt biển là 40 năm kể từ ngày 5 tháng 12 năm 2002. Tổng số tiền thuê mặt biển đã được Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải trả một lần vào ngày 24 tháng 2 năm 2003 theo Quyết định số 88 CT/QĐ của Cục thuế Khánh Hòa. Trong tổng số đất thuê 333.180 m², diện tích tính tiền thuê đất là 82.914 m². Công ty được miễn tiền thuê đất trong vòng 11 năm (miễn đến 5 tháng 12 năm 2013);
- ▶ Theo hợp đồng thuê đất và mặt biển số 24/2004 HĐ/TĐ ngày 28 tháng 4 năm 2004, diện tích đất thuê là 164.889 m² và diện tích mặt biển thuê là 786.829 m². Thời hạn thuê đất và mặt biển là 50 năm kể từ ngày 5 tháng 12 năm 2002. Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải được miễn tiền thuê đất trong suốt thời hạn thuê 50 năm. Tổng số tiền thuê mặt biển được thanh toán theo hình thức trả tiền một lần. Tuy nhiên, theo Quyết định số 08/QĐ-CCT ngày 5 tháng 1 năm 2007 của Cục thuế Khánh Hòa, diện tích đất thuê là 164.889 m² chỉ được miễn tiền thuê đất đến ngày 16 tháng 3 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

13.1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)</i>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	54.314.755.492	32.215.745.746
TỔNG CỘNG	54.314.755.492	32.215.745.746

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm chi phí xây dựng và lắp đặt phần hoàn thiện của các công trình trên đất của khu biệt thự để bán trong Điểm Du lịch Sinh thái Six Senses Latitude Sài Gòn River của Công ty TNHH Hai Dung.

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 6.1, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 tăng do Tập đoàn đã ghi nhận giao dịch hàng bán trả lại trong kỳ.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 được sử dụng để thế chấp cho những người sở hữu trái phiếu (đại diện bởi Tổ chức nhận tài sản đảm bảo là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam) để đảm bảo cho tất cả các nghĩa vụ của Công ty đối với và liên quan đến Trái phiếu được quy định trong Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu kèm Chứng quyền số 01-2100/HDDM-TP/NVT ngày 11 tháng 11 năm 2014 (xem Thuyết minh số 19.2.4).

13.2 Xây dựng cơ bản dở dang

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Six Senses Latitude Sài Gòn River (*)	365.017.460.416	364.464.008.568
Chi phí xây dựng biệt thự Hill Retreat thuộc Dự án Six Senses Ninh Vân Bay	-	6.327.566.050
Hệ thống điện cho khu nghỉ Six Senses Ninh Vân Bay	-	18.219.364.620
Chi phí thiết kế Dự án Six Senses Ninh Vân Bay - giai đoạn 2	1.036.935.000	1.036.935.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	1.707.833.166	4.092.970.861
TỔNG CỘNG	367.762.228.582	394.140.845.099

(*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Điểm Du lịch Sinh thái Six Senses Latitude Sài Gòn River bao gồm các chi phí phát triển đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và chi phí xây dựng các công trình trên đất của khu biệt thự thuộc dự án này. Theo Giấy Chứng nhận đầu tư số 47121000196 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp ngày 26 tháng 3 năm 2009, Công ty TNHH Hai Dung được cấp phép đầu tư vào Dự án Xây dựng điểm Du lịch Sinh thái Six Senses Latitude Sài Gòn River với tiêu chuẩn 5 sao, nằm trên diện tích đất 55,32 hecta của xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai, với tổng vốn đầu tư của dự án là 440,47 tỷ đồng Việt Nam và thời gian hoạt động là 50 năm kể từ tháng 3 năm 2009. Khu đất của dự án đã được định giá lại cho mục đích hợp nhất kinh doanh và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua là 8,4 triệu đô la Mỹ tương đương với 150.704.400.000 đồng Việt Nam.

Chi phí xây dựng dở dang của Điểm Du lịch Sinh thái Six Senses Latitude Sài Gòn River được sử dụng để thế chấp cho những người sở hữu trái phiếu (đại diện bởi Tổ chức nhận tài sản đảm bảo là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam) để đảm bảo cho tất cả các nghĩa vụ của Công ty đối với và liên quan đến Trái phiếu được quy định trong Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu kèm Chứng quyền số 01-2100/HDDM-TP/NVT ngày 11 tháng 11 năm 2014 (xem Thuyết minh số 19.2.4).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VNĐ

	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH Hai Dung	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	134.930.134.599	89.691.208.885	224.621.343.484
- Tăng/(giảm) trong kỳ	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	134.930.134.599	89.691.208.885	224.621.343.484
Phân bổ lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	68.589.485.088	45.593.031.183	114.182.516.271
- Phân bổ trong kỳ	6.746.506.730	4.484.560.444	11.231.067.174
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	75.335.991.818	50.077.591.627	125.413.583.445
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	66.340.649.511	44.098.177.702	110.438.827.213
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	59.594.142.781	39.613.617.258	99.207.760.039

15. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả ngắn hạn cho người bán	5.215.524.842	5.215.524.842	4.886.900.953	4.886.900.953
Phải trả ngắn hạn cho bên liên quan (Thuyết minh số 29)	368.109.285	368.109.285	939.542.389	939.542.389
TỔNG CỘNG	5.583.634.127	5.583.634.127	5.826.443.342	5.826.443.342

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Thuế giá trị gia tăng	6.644.681	7.601.568.661	7.297.064.659	311.148.683
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 28.2)	425.679.266	2.140.522.943	1.718.507.765	847.694.444
Thuế thu nhập cá nhân	280.000.042	2.152.051.682	2.117.820.938	314.230.786
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước khác	55.439.109	1.335.723.954	1.127.249.705	263.913.358
TỔNG CỘNG	767.763.098	13.229.867.240	12.260.643.067	1.736.987.271

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Lãi vay phải trả	25.668.354.986	22.475.362.875
<i>Trong đó:</i>		
<i>Lãi vay phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	21.793.455.442	18.283.298.607
<i>Lãi vay phải trả cho ngân hàng và các cá nhân khác</i>	3.874.899.544	4.192.064.268
Chi phí xây dựng phải trả cho nhà thầu	2.600.076.756	14.762.880.510
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	4.255.997.717	3.238.489.509
Chi phí phải trả khác	2.484.212.280	2.945.527.906
TỔNG CỘNG	35.008.641.739	43.422.260.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Phải trả theo các biên bản thanh lý Hợp đồng mua bán biệt thự (*)	26.000.000.000	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Việt Cường	6.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Vietsense	6.000.000.000	-
- Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Phước Hưng	3.000.000.000	-
- Khách hàng cá nhân	6.000.000.000	-
- Khách hàng cá nhân	5.000.000.000	-
Phí phục vụ phải trả cho nhân viên	2.121.275.255	3.028.844.556
Bảo hiểm xã hội	258.353.752	74.330.867
Quỹ từ thiện	1.494.868.558	1.329.284.035
Phải trả Ana Mandara Dalat chi phí thanh toán hộ	-	371.550.641
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	402.811.813	79.105.205
TỔNG CỘNG	30.277.309.378	4.883.115.304
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	<i>27.277.309.378</i>	<i>4.883.115.304</i>
<i>Phải trả khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>-</i>

(*) Như đã trình bày ở Thuyết minh số 6.1, căn cứ trên các biên bản thỏa thuận hủy bỏ và thanh lý các Hợp đồng Mua bán các biệt thự thuộc điểm Du lịch Sinh thái Six Senses Latitude Sài Gòn River của Công ty TNHH Hai Dung – công ty con của Công ty, Tập đoàn đã ghi nhận phải trả đối với số tiền mà các khách hàng đã thanh toán trước đây cho Công ty TNHH Hai Dung.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)		Trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay dài hạn đến hạn trả	1.720.199.524	1.720.199.524	892.446.938	(860.100.721)	1.752.545.741	1.752.545.741
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	57.487.315.148	57.487.315.148	-	(174.000.000)	57.313.315.148	57.313.315.148
	59.207.514.672	59.207.514.672	892.446.938	(1.034.100.721)	59.065.860.889	59.065.860.889
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng	3.153.708.425	3.153.708.425	-	(892.446.938)	2.261.261.487	2.261.261.487
Vay đối tượng khác	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	13.500.000.000	13.500.000.000	3.500.000.000	-	17.000.000.000	17.000.000.000
Trái phiếu phát hành (*)	227.827.777.778	227.827.777.778	362.037.037	-	228.189.814.815	228.189.814.815
	250.481.486.203	250.481.486.203	3.862.037.037	(892.446.938)	253.451.076.302	253.451.076.302
TỔNG CỘNG	309.689.000.875	309.689.000.875	4.754.483.975	(1.926.547.659)	312.516.937.191	312.516.937.191

(*) Giá trị trái phiếu phát hành tăng trong kỳ là chi phí phát hành trái phiếu phân bổ cho sáu tháng đầu năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Vay ngắn hạn

19.1.1 Các khoản vay ngắn hạn các bên liên quan

Chi tiết khoản vay ngắn hạn các bên liên quan được trình bày như sau:

Bên liên quan	Ngày 30 tháng 6 năm 2015 (VNĐ)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ông Lê Xuân Hải	18.745.844.722	Từ 6 tháng 7 năm 2015 đến 24 tháng 9 năm 2015	12%	Tín chấp
Bà Vũ Hồng Dung	32.117.470.426	Ngày 1 tháng 9 năm 2015	12%	Tín chấp
Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay (NVBHC)	6.450.000.000	Từ 30 tháng 1 năm 2016 đến 28 tháng 2 năm 2016	15%-16%	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>57.313.315.148</u>			

19.2 Vay dài hạn

19.2.1 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VNĐ	Nguyên tệ (USD)			
Ngân hàng TMCP Đại Dương Chi nhánh Nha Trang	4.013.807.228	187.736	Trả lãi và gốc vay trong vòng 48 tháng kể từ ngày 9 tháng 10 năm 2013.	Lãi suất 5%/năm và được điều chỉnh hàng quý	Tất cả các công trình xây dựng trên khu du lịch Six Senses Ninh Vân Bay với diện tích xây dựng 9.766 m2 trên lô đất tại núi Ba Du, xã Ninh Vân, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
<i>Trong đó:</i>					
Nợ dài hạn đến hạn trả:	1.752.545.741	80.458			
Vay dài hạn	<u>2.261.261.487</u>	107.278			
TỔNG CỘNG	<u>4.013.807.228</u>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2 Vay dài hạn (tiếp theo)

19.2.2 Các khoản vay dài hạn các bên liên quan

Chi tiết khoản vay dài hạn các bên liên quan được trình bày như sau:

Bên liên quan	30 tháng 6 năm 2015 (VNĐ)	Kỳ hạn	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ông Tạ Phạm Phi Cát	14.000.000.000	5 năm kể từ ngày vay, lãi trả hàng năm	10,3% trong 12 tháng đầu tiên, Các kỳ tính lãi tiếp theo là 3,3% cộng với lãi suất huy động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	Tin chấp
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	3.000.000.000	5 năm kể từ ngày vay, lãi trả hàng năm	10,5% trong 12 tháng đầu tiên, Các kỳ tính lãi tiếp theo là 3,5% cộng với lãi suất huy động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	Hệ thống điện cho khu nghỉ Six Senses Ninh Vân Bay
TỔNG CỘNG	17.000.000.000			

19.2.3 Vay đối tượng khác

Chi tiết khoản vay dài hạn đối tượng khác được trình bày như sau:

Bên liên quan	30 tháng 6 năm 2015 (VNĐ)	Kỳ hạn	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Bà Ninh Thị Hoàng Anh	6.000.000.000	5 năm kể từ ngày vay, lãi trả hàng năm	10,5% trong 12 tháng đầu tiên, Các kỳ tính lãi tiếp theo là 3,5% cộng với lãi suất huy động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	Hệ thống điện cho khu nghỉ Six Senses Ninh Vân Bay
TỔNG CỘNG	6.000.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2 Vay dài hạn (tiếp theo)

19.2.4 Trái phiếu phát hành

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)</i>
Trái phiếu phát hành – nợ gốc (*)	230.000.000.000	230.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(1.810.185.185)	(2.172.222.222)
TỔNG CỘNG	<u>228.189.814.815</u>	<u>227.827.777.778</u>

(*) Chi tiết khoản trái phiếu được trình bày như sau:

<i>Nhà đầu tư</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015 (VNĐ)</i>	<i>Kỳ hạn trái phiếu và kỳ hạn trả lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	230.000.000.000	3 năm kể từ ngày phát hành, lãi trả theo kỳ 6 tháng	12%/năm trong 2 kỳ tính lãi đầu tiên; Các kỳ tính lãi tiếp theo là 3,5% cộng với lãi suất cơ sở của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam áp dụng cho kỳ điều chỉnh lãi suất 6 tháng với kỳ hạn gốc từ 1 đến 5 năm
TỔNG CỘNG	<u>230.000.000.000</u>		

Theo Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu kèm Chứng quyền số 01-2100/HDDM-TP/NVT, ngày 11 tháng 11 năm 2014, Công ty đã phát hành thành công 23.000 trái phiếu kèm chứng quyền cho bên đặt mua trái phiếu là Công ty TNHH Nam Thành với tổng mệnh giá là 230 tỷ đồng (sau đó, Công ty TNHH Nam Thành đã chuyển nhượng lại toàn bộ 23.000 Trái phiếu này cho Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam).

Số lượng Chứng quyền được phát hành kèm theo trái phiếu là 23.000 chứng quyền. Chứng quyền cho phép tổ chức hoặc cá nhân sở hữu trái phiếu được phép mua cổ phần phổ thông của Công ty thông qua việc thực hiện chứng quyền trong thời hạn 3 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu.

Trong thời hạn 1 năm kể từ ngày phát hành (ngày 11 tháng 11 năm 2014), chứng quyền không được chuyển nhượng trừ trường hợp chuyển nhượng cho hoặc chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

Với mỗi chứng quyền, tổ chức hoặc cá nhân sở hữu chứng quyền có quyền mua 415 cổ phần theo giá mua được xác định theo các điều khoản của Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu kèm Chứng quyền. Số lượng cổ phần tối đa phát hành theo chứng quyền là 9.545.000 cổ phần.

Giá mua mỗi cổ phần theo quyền mua cổ phần là 7.500 VNĐ và giá cổ phần theo chứng quyền bị điều chỉnh nếu xảy ra một trong số các điều kiện điều chỉnh như sau:

- ▶ Tách hoặc gộp cổ phần;
- ▶ Phát hành cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu để trả cổ tức;
- ▶ Chia cổ tức không phải bằng cổ phần; và
- ▶ Phát hành cổ phần với giá thấp hơn giá thị trường.

Việc điều chỉnh giá cổ phần chỉ được thực hiện nếu không trái với các qui định pháp luật có liên quan và được thực hiện trong phạm vi bảo đảm thặng dư vốn cổ phần (và các nguồn vốn hợp pháp khác) của Công ty đủ để bù đắp phần vốn điều lệ còn thiếu tính theo giá cổ phần theo chứng quyền đã điều chỉnh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2 Vay dài hạn (tiếp theo)

19.2.4 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

Người sở hữu chứng quyền có thể thực hiện chứng quyền của mình tại bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn hiệu lực với điều kiện số lượng chứng quyền của những người sở hữu chứng quyền gộp thực hiện trong một lần tối thiểu bằng 1/4 (một phần tư) tổng số chứng quyền được phát hành. Khi số lượng chứng quyền còn lại dưới 1/4 (một phần tư) tổng số chứng quyền đã phát hành thì chứng quyền có thể thực hiện vào bất cứ thời điểm nào.

Công ty cam kết duy trì thặng dư vốn cổ phần ở mức tối thiểu là 24.455.000.000 đồng và chỉ sử dụng thặng dư vốn để bù đắp cho phần vốn điều lệ của Công ty bị thiếu hụt tính theo giá cổ phần theo chứng quyền.

Trái phiếu được đảm bảo bằng các tài sản sau:

Số hợp đồng bảo đảm	Tài sản thế chấp
05/102014/HĐTC/TCB-HD và 07/102014/HĐTC/TCB-HD	Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trên đất của Công ty TNHH Hai Dung đối với lô đất tại xã Đại Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
09/102014/HĐTC/TCB-HD	Quyền đòi nợ, các khoản phải thu, các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác của quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất, toàn bộ các trang thiết bị và động sản khác thuộc dự án Sixsense Sài Gòn
11/102014/HĐTC/TCB-NVT	Phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Hai Dung
14/102014/HĐTC/TCB-HAD	Phần vốn góp của ông Hoàng Anh Dũng tại Công ty TNHH Hai Dung
17/102014/HĐTC/TCB-LXH	Phần vốn góp của ông Lê Xuân Hải tại Công ty TNHH Hai Dung
20/102014/HĐTC/TCB-NVT	4.590.000 cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Số dư đầu kỳ	1.879.963.856	2.664.773.756
Trích lập trong kỳ	848.345.159	1.129.864.663
Trong đó:		
Trích lập từ nguồn phí phục vụ phải trả người lao động	848.345.159	1.129.864.663
Sử dụng trong kỳ	(687.188.530)	(1.882.330.496)
Số dư cuối kỳ	<u>2.041.120.485</u>	<u>1.912.307.923</u>

09/06/2015
 NHÀ
 NG T
 ỆM
 & Y
 T N
 HÀ I
 M

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Phần vốn thuộc về các cổ đông của Công ty mẹ					Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng nguồn vốn
	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư	vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗ lũy kế		
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Trình bày lại)							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013	905.000.000.000	24.455.000.000	269.596.844	(89.941.073.192)	839.783.523.652	159.301.064.118	999.084.587.770
- Chia cổ tức cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	(13.883.151.602)	(13.883.151.602)
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	7.491.165.596	7.491.165.596	13.421.063.795	20.912.229.391
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014	<u>905.000.000.000</u>	<u>24.455.000.000</u>	<u>269.596.844</u>	<u>(82.449.907.596)</u>	<u>847.274.689.248</u>	<u>158.838.976.311</u>	<u>1.006.113.665.559</u>
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	905.000.000.000	24.455.000.000	269.596.844	(84.329.311.816)	845.395.285.028	154.264.194.114	999.659.479.142
- Chia cổ tức cho cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	(13.230.000.000)	(13.230.000.000)
- Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(70.199.601.658)	(70.199.601.658)	1.982.464.186	(68.217.137.472)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	<u>905.000.000.000</u>	<u>24.455.000.000</u>	<u>269.596.844</u>	<u>(154.528.913.474)</u>	<u>775.195.683.370</u>	<u>143.016.658.300</u>	<u>918.212.341.670</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn cổ phần đã góp

Đơn vị tính: VNĐ

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015			Ngày 31 tháng 12 năm 2014		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp của cổ đồng sáng lập	256.837.980.000	256.837.980.000	-	256.837.980.000	256.837.980.000	-
Vốn góp của cổ đồng khác	648.162.020.000	648.162.020.000	-	648.162.020.000	648.162.020.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	24.455.000.000	24.455.000.000	-	24.455.000.000	24.455.000.000	-
TỔNG CỘNG	929.455.000.000	929.455.000.000	-	929.455.000.000	929.455.000.000	-

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VNĐ

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	905.000.000.000	905.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	905.000.000.000	905.000.000.000

21.4 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Số lượng	Giá trị VNĐ	Số lượng	Giá trị VNĐ
Số lượng cổ phiếu duyệt	90.500.000	905.000.000.000	90.500.000	905.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	90.500.000	905.000.000.000	90.500.000	905.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ				
Cổ phiếu phổ thông	90.500.000	905.000.000.000	90.500.000	905.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.500.000	905.000.000.000	90.500.000	905.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	90.500.000	905.000.000.000	90.500.000	905.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu (2014: 10.000 đồng/cổ phiếu).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.5 Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Công ty TNHH Hai Dung</i>	<i>Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải</i>	<i>Tổng cộng</i>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015			
Vốn điều lệ đã góp	11.000.000.000	44.100.000.000	55.100.000.000
Chênh lệch đánh giá lại giá trị hợp lý tài sản tại ngày hợp nhất kinh doanh	2.125.059.476	118.152.249.600	120.277.309.076
Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	197.432.724	197.432.724
Chia cổ tức (Lỗ)/lợi nhuận chưa phân phối lũy kế	(15.457.513.254)	(3.870.570.246)	(19.328.083.500)
	(2.332.453.778)	145.349.112.078	143.016.658.300
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015			
Phần (lỗ)/lợi nhuận trong kỳ	(8.087.821.201)	10.070.285.387	1.982.464.186

22. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (US\$)	86.698	424.580
- Euro (EUR)	98	131



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VNĐ

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Tổng doanh thu	109.638.843.204	122.126.820.515
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	25.094.487.648	29.698.945.488
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	84.544.355.556	92.427.875.027
Các khoản giảm trừ doanh thu		
<i>Hàng bán trả lại (*)</i>	(92.954.520.200)	-
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(995.400.113)	(1.232.427.014)
Doanh thu thuần	15.688.922.891	120.894.393.501
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	25.094.487.648	29.698.945.488
<i>Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất và công trình trên đất (*)</i>	(92.954.520.200)	-
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	83.548.955.443	91.195.448.013

(*) Như đã trình bày ở Thuyết minh số 6.1, căn cứ trên các biên bản thỏa thuận hủy bỏ và thanh lý các Hợp đồng Mua bán các biệt thự thuộc điểm Du lịch Sinh thái Six Senses Latitude Sài Gòn River của Công ty TNHH Hai Dung – công ty con của Công ty, Tập đoàn đã ghi nhận hàng bán trả lại trong kỳ.

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.936.246.456	13.033.042.305
Lãi chênh lệch tỷ giá	140.823.469	34.855.971
TỔNG CỘNG	10.077.069.925	13.067.898.276



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	8.022.942.730	9.977.061.124
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	43.336.443.307	47.525.975.688
Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng bất động sản (*)	(32.275.244.328)	-
TỔNG CỘNG	19.084.141.709	57.503.036.812

(*) Như đã trình bày ở Thuyết minh số 6.1, căn cứ trên các biên bản thỏa thuận hủy bỏ và thanh lý các Hợp đồng Mua bán các biệt thự thuộc điểm Dự lịch Sinh thái Six Senses Latitude Sài Gòn River của Công ty TNHH Hai Dung – công ty con của Công ty, Tập đoàn đã ghi giảm giá vốn của hoạt động chuyển nhượng bất động sản trong kỳ.

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lãi tiền vay	18.698.008.729	127.659.476
Lỗ chênh lệch tỷ giá	137.234.869	18.848.753
Dự phòng giảm giá tổn thất của các khoản đầu tư	3.242.367.784	-
Chi phí tài chính khác	368.522.590	7.448.509
TỔNG CỘNG	22.446.133.972	153.956.738



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí dịch vụ quản lý	6.282.661.199	6.961.295.852
Chi phí tiếp thị, quảng cáo	4.234.674.887	7.400.139.210
Chi phí nhân công	1.189.695.493	590.035.854
Chi phí khác	1.632.743.090	723.365.395
	13.339.774.669	15.674.836.311
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ	11.231.067.174	11.231.067.174
Chi phí nhân công	9.965.141.023	10.138.750.063
Chi phí khấu hao	124.075.805	1.101.994.238
Phí phục vụ chia cho nhân viên	5.159.634.389	5.751.101.662
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.899.480.128	7.150.123.695
Chi phí khác	296.071.144	199.342.311
	34.675.469.663	35.572.379.143
TỔNG CỘNG	48.015.244.332	51.247.215.454

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Trình bày lại)</i>
Chi phí nguyên vật liệu	12.882.709.187	27.781.355.760
Chi phí nhân công	24.789.986.028	24.552.247.226
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định và lợi thế thương mại	21.634.835.572	20.770.693.593
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.643.424.134	32.743.462.239
Giá vốn chuyển nhượng đất và công trình trên đất	(32.275.244.328)	-
Chi phí khác	423.675.448	2.902.493.448
TỔNG CỘNG	67.099.386.041	108.750.252.266

ĐỌC
 HI N
 CÔNG
 NHIỆ
 ST &
 HIỆT
 AI H
 KIẾN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty và công ty con là Công ty TNHH Hai Dung là 22%.

Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải được miễn thuế TNDN trong 3 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và được áp dụng thuế suất 15% với mức giảm 50% trong 7 năm tiếp theo. Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho công ty con này trong năm 2015 là 7,5%.

Các báo cáo thuế của Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.140.522.943	2.594.382.734
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	108.897.369	(289.508.477)
TỔNG CỘNG	<u>2.249.420.312</u>	<u>2.304.874.257</u>

05
 AN
 TY
 H
 YO
 VAN
 HO
 -T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lỗ thuần trước thuế và lỗ tính thuế.

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
(Lỗ)/lợi nhuận thuần trước thuế	(65.967.717.160)	23.217.103.648
Các điều chỉnh (giảm)/tăng lợi nhuận theo kế toán	(58.763.987.051)	14.284.229.894
Phân bổ lợi thế thương mại	11.231.067.174	11.231.067.174
Phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm phát sinh từ hợp nhất kinh doanh	3.860.113.030	3.860.113.030
Phần lỗ từ công ty liên kết	2.262.688.800	1.967.386.407
Chi phí lương và thưởng của Hội đồng quản trị	553.000.000	1.134.150.718
Các chi phí khác	588.010.329	3.902.854.130
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn	(77.258.866.384)	(7.811.341.565)
(Lỗ)/lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	(124.731.704.211)	37.501.333.542
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(8.164.508.955)
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	(124.731.704.211)	29.336.824.587
Trong đó:		
Thu nhập chịu thuế suất 7,5%	28.298.814.907	34.092.296.510
Thu nhập chịu thuế suất 22%	82.326.478	170.274.981
Lỗ chịu thuế suất 22%	(153.112.845.596)	(4.925.746.904)
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành	2.140.522.943	2.594.382.734
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	425.679.266	1.399.739.012
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	(767.901.909)	(848.265.420)
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(1.718.507.765)	(2.699.584.055)
Thuế TNDN trả trước cuối kỳ	(767.901.909)	(848.265.420)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ (Thuyết minh số 16)	847.694.444	1.294.537.691



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	30 tháng 6 năm 2015	31 tháng 12 năm 2014	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Ảnh hưởng của việc điều chỉnh giá trị hợp lý các tài sản của công ty con tại ngày mua	56.510.662.276	56.401.764.907	(108.897.369)	289.508.477
	56.510.662.276	56.401.764.907		
(Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ			(108.897.369)	289.508.477

28.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận phải chịu thuế thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 244.210.705.873 đồng Việt Nam (31 tháng 12 năm 2014: 77.532.031.011 đồng Việt Nam) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 30/6/2015	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30/6/2015
2011	2016	13.538.148.970	4.015.096.320	-	9.523.052.650
2012	2017	81.685.210.895	10.964.005.495	-	70.721.205.400
2013	2018	2.888.225.082	-	-	2.888.225.082
2014	2019	7.790.377.145	-	-	7.790.377.145
2015	2020	153.112.845.596	-	-	153.112.845.596
TỔNG CỘNG		259.014.807.688	14.979.101.815	-	244.035.705.873

(*) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Tập đoàn con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế còn lại nêu trên do không thể dự tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng sáu năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm:

Đơn vị tính: VNĐ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014
Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Cho vay Thu hồi gốc vay Lãi vay phát sinh	- - 8.889.586.218	4.000.000.000 4.000.000.000 10.737.580.718
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp	Công ty liên kết	Vay từ Tập đoàn Thu hồi gốc vay Lãi vay phải thu phát sinh	60.000.000 - 658.412.274	2.015.000.000 18.494.000.000 1.755.775.085
Ông Lê Xuân Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty, Cổ đông và Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải, đồng thời là cổ đông và thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty TNHH Hai Dung	Đi vay Lãi vay phải trả phát sinh	- 1.140.656.630	5.000.000.000 724.405.814
Ông Vũ Minh Tuấn	Bên liên quan khác	Trả gốc vay Lãi vay phải trả Trả lãi vay	- - -	3.000.000.000 185.125.000 920.787.500
Bà Vũ Hồng Dung	Bên liên quan khác	Trả gốc vay Lãi vay phải trả phát sinh Trả lãi vay	- 1.937.754.049 -	3.000.000.000 185.125.000 920.787.500
Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay (NVBHC)	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Lãi vay phải trả phát sinh	500.263.888	500.263.889
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Danh Việt	Công ty liên kết	Cho vay Thu hồi gốc vay Thu hồi lãi vay	- - -	322.000.000 6.157.703.099 2.577.856.370
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thương mại P&N	Cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Chia cổ tức Cổ tức chi trả cho cổ đông	6.750.000.000 6.750.000.000	7.083.240.613 7.083.240.613
Công ty Cổ phần đầu tư TLC	Cổ đông Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Chia cổ tức Cổ tức chi trả cho cổ đông	1.080.000.000 1.080.000.000	1.133.318.498 1.133.318.498
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Chia cổ tức Cổ tức chi trả cho cổ đông Cho Tập đoàn vay	- - -	2.833.296.245 2.691.631.433 3.000.000.000
Ông Tạ Phạm Phi Cát	Cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Chia cổ tức Cổ tức chi trả cho cổ đông Cho Tập đoàn vay Lãi vay phát sinh Trả nợ lãi vay	1.350.000.000 1.282.500.000 3.500.000.000 636.412.636 627.871.082	1.416.648.123 1.345.815.717 - - -
Ông Nguyễn Hùng Mạnh	Cổ đông, thành viên hội đồng quản trị công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Chia cổ tức Cổ tức chi trả cho cổ đông	1.350.000.000 1.282.500.000	1.416.648.123 1.345.815.717
Sustainable Luxury Ltd	Công ty Quản lý Khu nghỉ dưỡng Six Senses Ninh Vân Bay	Phí quản lý phát sinh Thanh toán phí quản lý	5.602.852.428 6.048.845.246	6.201.827.510 6.921.256.982

TRÁI EF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Tập đoàn cho vay và vay từ các bên liên quan theo lãi suất trung và dài hạn của ngân hàng thương mại trong năm và không có tài sản đảm bảo.

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, Tập đoàn chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Tập đoàn. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014, chi tiết số dư lớn với các bên liên quan như sau

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Phước Hưng	Công ty cùng chung thành viên Hội đồng Quản trị	Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng	-	4.102.270.643
			-	4.102.270.643
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7.1)				
Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Cho bên liên quan vay	202.463.920.548	210.963.920.548
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp	Công ty liên kết	Cho bên liên quan vay	16.606.000.000	16.546.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt	Công ty liên kết	Cho bên liên quan vay	1.136.000.000	1.136.000.000
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Phước Hưng	Công ty cùng chung thành viên Hội đồng Quản trị	Cho bên liên quan vay	-	121.000.000
Công ty Cổ phần Hồng Hải	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Cho bên liên quan vay	230.000.000	-
			220.435.920.548	228.766.920.548
Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 7.2)				
Công ty Cổ phần Du lịch Tân Phú	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Cho bên liên quan vay	8.500.000.000	-
			8.500.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty Cổ phần du lịch Tân Phú	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Lãi vay phải thu	62.511.380.548	53.621.794.330
Công ty TNHH Du lịch Sinh thái Cồn Bắp	Công ty liên kết	Lãi vay phải thu	5.750.227.300	5.091.815.030
Công ty TNHH Câu lạc bộ Kỹ nghỉ Ninh Vân Bay (NVBHC)	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Chi phí trả hộ	2.468.734.716	2.468.734.720
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danh Việt	Công ty liên kết	Lãi vay phải thu	494.889.553	439.382.580
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Phước Hưng	Công ty cùng chủ đầu	Lãi vay phải thu	-	52.041.163
			71.225.232.117	61.673.767.823

31/14
 CHỈ
 CỔ
 CH NH
 NST
 VIỆT
 TẠI H
 KIẾN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 15)				
Sustainable Luxury Ltd	Công ty Quản lý Khu nghỉ dưỡng Six Senses Ninh Vân Bay	Phí quản lý	368.109.285	939.542.389
			368.109.285	939.542.389
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 17)				
Ông Lê Xuân Hải	Chủ tịch HĐQT của Công ty, Cổ đông và Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải, đồng thời là cổ đông và thành viên HĐQT của Công ty TNHH Hai Dung	Lãi vay phải trả	14.988.122.731	13.847.466.101
Bà Vũ Hồng Dung	Bên liên quan khác	Lãi vay phải trả	4.105.697.057	2.167.943.008
Công ty TNHH MTV Cầu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay	Công ty cùng chủ đầu tư	Lãi vay phải trả	2.581.402.777	2.081.138.889
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Lãi vay phải trả	3.452.055	162.246.577
Bà Tạ Phạm Phi Cát	Cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Lãi vay phải trả	114.780.822	24.504.032
			21.793.455.442	18.283.298.607
Chi phía phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 18)				
Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Phước Hưng	Công ty cùng chung thành viên Hội đồng Quản trị	Phải trả tạm ứng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng	3.000.000.000	-
			3.000.000.000	-
Vay và nợ tài chính ngắn hạn (Thuyết minh số 19.1)				
Ông Lê Xuân Hải	Chủ tịch HĐQT của Công ty, Cổ đông và Chủ tịch HĐQT của Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải, đồng thời là cổ đông và thành viên HĐQT của Công ty TNHH Hai Dung	Cho Tập đoàn vay	18.745.844.722	18.919.844.722
Bà Vũ Hồng Dung	Bên liên quan khác	Cho Tập đoàn vay	32.117.470.426	32.117.470.426
Công ty TNHH Cầu lạc bộ Kỳ nghỉ Ninh Vân Bay (NVBHC)	Đơn vị nhận vốn đầu tư	Cho Tập đoàn vay	6.450.000.000	6.450.000.000
			57.313.315.148	57.487.315.148
Vay và nợ tài chính dài hạn (Thuyết minh số 19.2)				
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Cho Tập đoàn vay	3.000.000.000	3.000.000.000
Ông Tạ Phạm Phi Cát	Cổ đông, Thành viên Hội đồng Quản trị công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải	Cho Tập đoàn vay	14.000.000.000	10.500.000.000
			17.000.000.000	13.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Lương và thưởng của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc của Tập đoàn như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
Lương của ban Giám đốc	2.275.453.690	2.405.639.100
Thù lao Hội đồng Quản trị	296.215.380	522.969.000
TỔNG CỘNG	2.571.669.070	2.928.608.100

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	(70.199.601.658)	7.491.165.596
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
(Lỗ)/lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	(70.199.601.658)	7.491.165.596
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	90.500.000	90.500.000
Ảnh hưởng suy giảm		
<i>Quyền mua cổ phiếu của Chứng quyền kèm theo Trái phiếu không chuyển đổi phát hành trong năm 2014 (xem Thuyết minh số 19.2.4)</i>	9.545.000	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm.	100.045.000	90.500.000
(Lỗ)/lãi trên cổ phiếu		
- Cơ bản	(773)	83
- Suy giảm	(699)	83

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào khác xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động tại Hà Nội. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Đến 1 năm	425.346.873	425.346.873
Từ 1 đến 5 năm	412.321.762	625.273.756
TỔNG CỘNG	<u>837.668.635</u>	<u>1.050.620.629</u>

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, các khoản tiền thuê đất phải trả trong tương lai của Công ty TNHH Hai Dung và Công ty Cổ phần Du lịch Hồng Hải, hai công ty con của Công ty, được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Đến 1 năm	553.089.360	12.437.235
Trên 1 – 5 năm	248.721.075	170.117.910
Trên 5 năm	5.672.296.082	5.866.727.343
TỔNG CỘNG	<u>6.474.106.517</u>	<u>6.049.282.488</u>

Các cam kết liên quan đến chi phí hoạt động

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty TNHH Hai Dung, công ty con của Công ty, đã ký kết một số hợp đồng xây dựng liên quan đến Dự án Điểm Du lịch Sinh thái Six Senses Latitude Sài Gòn River với tổng trị giá cam kết còn chưa thực hiện vào khoảng 53,7 tỷ đồng Việt Nam.

Các cam kết liên quan đến các dự án đầu tư bất động sản

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 47121000196 ngày 26 tháng 3 năm 2009 cấp bởi Ủy Ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai. Công ty TNHH Hai Dung, công ty con của Công ty đã được lựa chọn làm chủ đầu tư Dự án Điểm Du lịch Sinh thái Six Senses Latitude Sài Gòn River với diện tích khoảng 55,32 hecta với tổng số vốn đầu tư cam kết vào khoảng 440,5 tỷ đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này do việc áp dụng Thông tư 200. Chi tiết như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (được trình bày lại)</i>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
Đầu tư ngắn hạn	252.741.518.912	(228.766.920.548)	23.974.598.364
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	228.766.920.548	228.766.920.548
Hàng tồn kho	41.865.805.417	(32.215.745.746)	9.650.059.671
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	32.215.745.746	32.215.745.746
Chi phí trả trước dài hạn	5.052.112.746	(2.172.222.222)	2.879.890.524
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	252.653.708.425	(2.172.222.222)	250.481.486.203

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Tập đoàn và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.


 Ngô Thị Thanh Hải
 Người lập


 Ngô Thị Thanh Hải
 Kế toán trưởng


 Vũ Ngọc Tú
 Phó Tổng Giám đốc



Ngày 27 tháng 8 năm 2015